

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2020/DS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Nguyễn Văn Tập

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Định - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:*** Ông Nguyễn Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, ấp H, xã N, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

***2. Bị đơn:*** Bà Đặng Thị Út E, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, ấp H, xã N, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

***3. Người làm chứng:*** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện BT, Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông với bà Đặng Thị Út E trước đây là vợ chồng chấp nối, có đăng ký kết hôn vào năm 2018, do chung sống không hạnh phúc nên năm 2019 đã ly hôn, có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân vào ngày 05/9/2019. Khi ly hôn không có tranh chấp về tài sản. Sau khi ly hôn ông với bà E không còn chung sống với nhau, ông về nhà cha mẹ sinh sống. Sau khi ly hôn khoảng một tháng thì Út E nói với ông là con riêng của cô ấy khổ quá nên nói ông cho tiền nuôi con, ông nghĩ không còn tình cũng còn nghĩa nên cầm xe máy lấy tiền đưa cho Út E là 10.000.000 đồng. Khoảng 2 tháng sau ông chuộc được xe ra thì gần tết nguyên đán năm 2020 thì Út E kêu ông về chung sống nên ông tiếp tục cầm xe máy được 10.000.000 đồng và vay mượn tiền của người ta được 19.000.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng đưa cho Út E đưa làm vốn mua dừa, số tiền 29.000.000 đồng này là ông đưa cho Út E nhiều lần, trong thời gian này thì ông đến lo sửa nhà phụ giúp Út E rồi về. Toàn bộ số tiền đưa cho Út E thì ông không có làm giấy tờ, vì ông nghĩ là hy vọng sẽ về chung sống lại với Út E. Nhưng sau đó Út E không cho ông về chung sống, ông có yêu cầu Út E trả tiền chuộc xe cho ông nhưng Út E không đồng ý, còn thách thức đi thưa, ông có ghi âm lại việc Út E hứa sẽ trả tiền cho ông.

Nay ông chỉ yêu cầu Út E trả số tiền ông đã đưa cho Út E là 10.000.000 đồng, vì đây là tiền ông cầm xe máy nhưng chưa có tiền chuộc xe, còn số tiền khác trước đây đưa Út E thì ông không yêu cầu.

*Bị đơn bà Đặng Thị Út E trình bày:* Vào năm 2018 bà với ông Phạm Văn H có chung sống với nhau là chấp nối, chung sống tại nhà của bà, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2019 do chung sống không hạnh phúc nên đã ly hôn vào ngày 05/9/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Ông H về ở chỗ khác cũng tại xã Nguyễn Văn Thành. Sau đó ông H nói là cho quay về chung sống nên bà mới nói cho ông cơ hội nhưng phải thay đổi tính cách. Trong thời gian này bà bị bệnh đi điều trị tại bệnh viện Từ Dũ nên ông H mới nói là đưa tiền cho bà trị bệnh. Trong thời gian này ông H có đưa tiền cho bà nhưng bà không nhớ là bao nhiêu tiền. Bà không có vay mượn tiền của ông H trình bày, còn số tiền ông H đưa là cho bà. Bà không đồng ý theo yêu cầu của ông H.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:* Ông là anh cùng cha khác mẹ với bà Đặng Thị Út E. Ông có nghe ông H nói là có cho bà Út E tiền, còn đưa bao nhiêu tiền thì ông không biết, việc bà Út E vay tiền ông H thì không có.

*Tại phiên tòa:*

Ông Phạm Văn H trình bày: Ông chỉ yêu cầu bà Đặng Thị Út E trả số tiền là 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 217, 218, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc yêu cầu bà Đặng Thị Út E có trách nhiệm trả cho ông 10.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là không yêu cầu bà Út E trả 19.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Ông H phải nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông được khấu trừ tiền tạm ứng 725.000 đồng nên ông được nhận lại 225.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2020 thì ông Phạm Văn H yêu cầu bà Đặng Thị Út E trả cho ông H số tiền là 29.000.000 đồng. Tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/02/2020 thì ông H đã xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Út E trả số tiền là 10.000.000 đồng. Thay đổi này là sự tự nguyện của ông H nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Bị đơn là bà Đặng Thị Út E và người làm chứng là ông Nguyễn Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét khởi kiện của ông Phạm Văn H yêu cầu bà Đặng Thị Út E trả số tiền vay là 10.000.000 đồng. Theo quy định của hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay. Ông H trình bày đưa tiền cho bà Út E vay nhưng không làm biên nhận. Bà Út E không thừa nhận có vay tiền của ông H, bà chỉ thừa nhận là ông H có cho bà tiền nhưng không nhớ là bao nhiêu. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn S chỉ thừa nhận có nghe ông H nói cho bà Út E tiền, còn việc vay tiền là không có. Như vậy, chưa có căn cứ chứng minh là giữa ông H và bà E có thỏa thuận vay tiền.

Theo quy định của pháp luật thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án có ra quyết định yêu cầu ông Phạm Văn H cung cấp chứng cứ chứng minh là bà E có vay tiền của ông H và trường hợp nếu có yêu cầu trưng cầu giám định thì ông phải làm đơn nhưng đến nay ông H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của ông nên không có căn cứ xem xét. Do đó, ông H yêu cầu bà Út E trả số tiền vay 10.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Còn việc ông H đưa cho bà Út E tiền là sự tự nguyện của ông H chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bà E.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 94, 217, 218, 219, 235, 228, 229, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 238, 463 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H yêu cầu bà Đặng Thị Út E trả số tiền là 19.000.000 đ (mười chín triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H yêu cầu bà Đặng Thị Út E trả số tiền là 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đ (năm trăm ngàn đồng). Ông Phạm Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 725.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0011330 ngày 07/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, còn lại 225.000 đồng trả cho ông Phạm Văn H.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Dũng**